| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 90/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-KDTM ngày 27/4/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 521/2018/QĐXXST-KDTM ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 390/2018/QĐST-KDTM ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty xây dựng A

Trụ sở: 97 Đường S, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Tôn Thất T, sinh năm 1959; Địa chỉ: 5/1 đường H, Phường D, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có mặt.

*(theo văn bản ủy quyền số: 21/18/UQ/HC ngày 21/5/2018 của Công ty xây dựng A)*

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B

Trụ sở: 1155/47 Đường B, khu phố G, phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Nguyễn Bảo A, sinh năm 1993 - (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 08/7/2017 và ngày 20/9/2017 Công ty xây dựng A có ký hợp đồng kinh tế số 241BIS/17/HĐ-BT và phụ lục hợp đồng kinh tế số 241BIS-1/17/PLHD-BT với Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B. Theo đó Công ty xây dựng A chiu trách nhiệm cung cấp bê tông xi măng cho Công trình Vạn Phúc, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Cho đến nay, phía Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B vẫn chưa ký và đóng dấu vào phụ lục hợp đồng số 241BIS-1/17/PLHD-BT. Công ty xây dựng A đã cung cấp bê tông xi măng cho công trình nói trên với tổng giá khối lượng bê tông các loại là 105.002.500 đồng, phía Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B đã thanh toán được 73.740.000 đồng, số nợ còn lại phải thanh toán là 31.262.500 đồng. Do vậy, Công ty xây dựng A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 31.262.500 đồng và tiền lãi phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 2.231.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu phải trả là 33.493.500 đồng.

(2) Nhận thấy, tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp chưa đảm bảo, đủ cơ sở để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngày 12/6/2018 Tòa án đã có thông báo số 125/2018/TB-TA về việc thông báo giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên phía nguyên đơn Công ty xây dựng A không bổ sung hoặc giao nộp thêm chứng cứ nào khác. Ngày 12/7/2018, Công ty xây dựng A có văn bản số 612/18/CV-KD về việc đề nghị Tòa án tiến hành xác minh 06 hóa đơn đã phát hành cho Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B tại Chi cục thuê quận Thủ Đức. Ngày 12/7/2018, Tòa án ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 27/2018/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu Chi cục thuế quận Thủ Đức cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến 06 hóa đơn thuế giá trị gia tăng (VAT) do nguyên đơn tự phát hành có các số: 0007849 ngày 03/10/2017; số 0007850 ngày 04/10/2017; số 0007859 ngày 05/10/2017; số 0007864 ngày 06/10/2017; số 0007870 ngày 07/10/2017 và số 0007898 ngày 09/10/2017. Ngày 30/10/2018, Chi cục Thuế quận Thủ Đức có công văn số 25330/CV-CCT trả lời không có đủ tài liệu, thông tin để trả lời cho Tòa án về 06 hóa đơn cần xác minh nói trên.

(3) Bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B, không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía bị đơn tiếp tục vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất.

(4) Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền mà bị đơn đang nợ 31.262.500 đồng là phát sinh từ phụ lục hợp đồng số 241BIS-1/17/PLHD-BT ngày 20/9/2017, bổ sung tài liệu là biên bản xác nhận khối lượng ngày 9/10/2017 có người ký

đại diện bên nhận hàng tên Nguyễn Đức Thông. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ lúc vi phạm cho đến ngày xét xử (30/11/2018) là 4.904.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 36.166.500 đồng (gồm tiền nợ gốc là 31.262.500 đồng và tiền lãi phát sinh là 4.904.000 đồng. Phía bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B tiếp tục vắng mặt mà không có lý do.

(5) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn không đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Công ty xây dựng A với Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B có trụ sở đăng ký hoạt động trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận thấy, ngày 08/7/2017 giữa Công ty xây dựng A và Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B ký kết hợp đồng kinh tế số: 241BIS/17/HĐ-BT về việc mua bán bê tông xi măng tươi. Nguyên đơn cho rằng theo phụ lục hợp đồng số: 241BIS-1/17/PLHD-BT ngày 20/9/2017 đã thực hiện việc giao hàng, cung ứng bê tông, xi măng với tổng giá trị khối lượng các loại là 105.002.500 đồng, bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B đã thanh toán được 73.740.000 đồng, còn nợ lại số tiền

31.262.500 đồng. Để chứng minh bị đơn còn nợ số tiền nói trên nguyên đơn cung cấp cho tòa án phụ lục hợp đồng kinh tế số 241BIS-1/17/PLHD-BT và Biên bản đối chiếu công nợ số 289/18/ĐCCN-KD ngày 04/4/2018 do nguyên đơn tự lập mà không có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu của phía bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B, cùng 06 hóa đơn thuế giá trị gia tang (VAT) do nguyên đơn tự phát hành có số và ngày như sau: số 0007849 ngày 03/10/2017; số 0007850 ngày 04/10/2017; số 0007859 ngày 05/10/2017; số 0007864 ngày 06/10/2017; số 0007870 ngày 07/10/2017 và số 0007898 ngày 09/10/2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp bổ sung biên bản xác nhận khối lượng ngày 9/10/2017 có người ký đại diện bên nhận hàng tên Nguyễn Đức Thông. Đối chiếu với thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng số 241BIS/17/HĐ-BT ký kết giữa hai bên đã thỏa thuận người nhận hàng là chị My, không phải ông Nguyễn Đức Thông. Do vậy, chứng cứ này không có tính liên quan và cũng không khách quan, thời diểm xuất trình chứng cứ không hợp pháp nên không có tính hợp pháp.

Xét thấy, những chứng cứ trên do nguyên đơn tự lập, tự phát hành, không có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu cũng như sự thừa nhận của phía bị đơn là không khách quan, không chứng minh được bị đơn Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B có nợ Công ty xây dựng A số tiền mua hàng 31.262.500 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công ty xây dựng A là nguyên đơn phải có trách nhiệm giao nộp, tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Thế nhưng Công ty xây dựng A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sở thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty xây dựng A về việc yêu cầu Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B trả số tiền 31.262.500 đồng và tiền lãi phạt chậm trả 4.904.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu phải trả là 36.166.500 đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) buộc Công ty xây dựng A phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0038706 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty xây dựng A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty xây dựng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Thiết kế Tư vấn Đầu tư Xây dựng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**